

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2024

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH H1

- Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, Bà Nguyễn Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh H1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh H1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

Nơi thường trú: thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh H1.

Chỗ ở: Đội 3, thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh H1.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn S, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh H1.

Chị H có mặt; anh S vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh H1 ngày 14-11-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh H1. Vợ chồng cùng làm tự do, chủ yếu là đi chợ bán hàng. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, do anh S ghen tuông, cờ bạc, gái gú, nợ nần. Chị đã nhiều lần góp ý khuyên giải nhưng anh ấy không thay đổi. Gia đình hai bên nhiều lần can thiệp vì anh S thường đánh chị, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện. Chị đã có 03 lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, nhưng anh S đến tìm xin

lỗi chị lại về. Tuy nhiên, sau đó anh S vẫn đánh đập chị, không chịu được nên chị bỏ hẳn về nhà mẹ đẻ từ cuối tháng 8/2022, vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân, anh S thường xuyên nhắn tin đe dọa giết chị và cũng không đến nhà tìm chị nữa, vợ chồng không liên lạc, việc ai người ấy làm, không quan tâm nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có hai con chung là cháu Vũ Thành Long, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Vũ Thành Công, sinh ngày 21/5/2014. Thời gian vợ chồng ly thân đến nay, cháu Long ở cùng với bố, cháu Công ở cùng với mẹ. Cháu Long đang học lớp 6B Trường Trung học cơ sở xã Q. Cháu Công đang học lớp 4E Trường Tiểu học cơ sở Đ1. Ly hôn, chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị xin tiếp tục nuôi cháu Công, để anh S tiếp tục nuôi cháu Long, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cháu Long ở với anh S có bà nội hỗ trợ chăm sóc; phía gia đình chị cũng có bà ngoại hỗ trợ chăm sóc. Hiện nay chị làm công việc tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 8-9 triệu đồng. Mẹ con chị ở cùng nhà với ông bà ngoại, có nhà cửa ổn định đầy đủ tiện nghi, trường học gần nhà. Chị cam kết đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất cho con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn anh Vũ Văn S trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 8/2022 thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau dẫn đến cãi cọ. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Đ1 từ tháng 8/2022, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Gia đình có khuyên giải cho anh chị về chung sống đoàn tụ nhưng chị H không về. Anh cũng chưa đến tìm chị H lần nào vì mỗi lần nhắc đến hoà giải là chị H nhất quyết không đồng ý. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh xác định hai con còn nhỏ cần sự chăm sóc của bố và mẹ, anh vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn. Anh mong Toà án hoà giải để anh chị về ở với nhau, gia đình đoàn tụ.

Về con: Anh và chị H có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Hiện cháu Long đang ở với anh, do anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, còn cháu Công đang ở cùng chị H. Trường hợp chị H nhất quyết xin ly hôn, anh mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con chung. Hiện cháu Long đang học lớp 6B Trường Trung học cơ sở xã Q, cháu Công đang học tại Trường Tiểu học Đ1, chi phí học tập và S hoạt của cháu Long do anh lo toàn bộ, còn chi phí của cháu Công do chị H lo toàn bộ. Hiện nay anh đang lao động tự do, trung bình thu nhập hàng tháng khoảng 15-20 triệu. Anh có đầy đủ điều kiện và khả năng nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh và chị H tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn S; Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con Vũ Thành Công, S ngày 21/5/2014; giao cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng con Vũ Thành Long, S ngày 02/7/2012 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chị H, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Vũ Văn S đăng ký thường trú tại thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh H1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H1. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Vũ Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh H1 ngày 14-11-2011, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh S là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị H, anh S và các tài liệu thu thập khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra đánh cãi, xúc phạm nhau gây nên những nỗi đau, tổn thương không thể hàn gắn được. Trong cuộc sống, vợ chồng không có sự thông cảm sẻ chia, không thấu hiểu nhau, không có tiếng nói chung, hôn

nhân không hạnh phúc. Chị H đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở rồi lại về đoàn tụ. Tuy nhiên, hết lần này đến lần khác mối quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 8/2022, không có biện pháp hàn gắn. Đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau. Mặc dù anh S không đồng ý ly hôn, nhưng trong thời gian ly thân anh không chủ động tìm gặp chị H và không đưa ra biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, chị H kiên quyết xin ly hôn, anh S vắng mặt tại phiên toà. Từ phân tích trên cho thấy anh chị đã không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mà hôn nhân hạnh phúc chỉ khi có sự xây dựng, vun đắp từ hai phía. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị H được ly hôn anh S là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh S có hai con chung là Vũ Thành Long, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Vũ Thành Công, sinh ngày 21/5/2014. Hiện cháu Long ở cùng với bố, cháu Công ở cùng với mẹ. Chị H xin tiếp tục nuôi cháu Công, để anh S tiếp tục nuôi cháu Long. Trường hợp ly hôn, anh S xin nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng xin nuôi dưỡng con chung của chị H, anh S thì thấy: Hiện nay anh chị đều làm lao động tự do, có thu nhập. Anh chị đều ở cùng nhà với bố mẹ đẻ, có nơi ở ổn định và có sự hỗ trợ của bố mẹ. Vì vậy, cả chị H và anh S đều có đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác, cháu Long có nguyện vọng xin tiếp tục ở với bố, cháu Công có nguyện vọng xin tiếp tục ở với mẹ, đến nay các cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống nên cần đảm bảo sự ổn định, tránh gây xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý và S hoạt, học tập của các cháu. Vì vậy, HĐXX giao con Vũ Thành Long cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao con Vũ Thành Công cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị H, anh S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn S.

2. *Về con chung:* Giao con chung Vũ Thành Long, sinh ngày 02/7/2012 cho anh Vũ Văn S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Vũ Thành Công, sinh ngày 21/5/2014 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2022/0001422 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh H1. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh H1 .
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn

